TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày 19-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Bà Bùi Thúy Mở

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C; địa chỉ trụ sở: Số 442 N, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà L - Chức vụ: Nhân viên Xử lý nợ Ngân hàng C (Giấy uỷ quyền số 1860/UQ-CNTL.23 ngày 03 tháng 7 năm 2023); có mặt.

- *Bị đơn*: Anh T, sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng; hiện nay đang cai nghiện ma tuý tại Cơ sở cai nghiện ma tuý số 2 thuộc xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng C do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 anh T ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dành cho khách hàng cá nhân kèm theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, khoản vay không có tài sản bảo đảm, mục đích sử dụng tiêu dùng, thời hạn tính từ ngày cấp thẻ tín dụng đến ngày đến ngày 19 tháng 3 năm 2025, hạn mức tín dụng được cấp thông qua hình thức phát hành thẻ tín dụng cho chủ thẻ để thực hiện các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt. Ngày 19 tháng 3 năm 2022 Ngân hàng C cấp 02 thẻ tín dụng quốc tế cho anh T gồm 01 thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum và 01 thẻ tín dụng quốc tế JCB Gold. Đối với thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum: Lãi suất trong hạn là 27%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí theo quy định về biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do Ngân hàng C phát hành. Đối với thẻ tín dụng quốc tế JCB Gold: Lãi suất trong hạn là 25%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí theo quy định về biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do Ngân hàng C phát hành. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh T được thực hiện các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt. Hàng tháng Ngân hàng C sẽ lập bảng thông báo giao dịch thẻ tín dụng liệt kê chi tiết các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ giao dịch lần trước, tổng số dư nợ, số tiền đã thanh toán, số dư nợ đầu kỳ, số dư nợ cuối kỳ, số tiền thanh toán tối thiểu và ngày thanh toán số tiền thanh toán tối thiểu. Ngân hàng C sẽ gửi thông báo giao dịch thẻ tín dụng qua tin nhắn điện thoại cho anh T. Nếu quá thời hạn theo thông báo mà anh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền mà Ngân Ngân hàng C đã thông báo thì anh T sẽ phải chịu tiền lãi của số tiền đã sử dụng hoặc đã rút. Do anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20 tháng 7 năm 2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu đã chuyển khoản vay của anh T sang nợ quá hạn đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ của anh T và thu hồi toàn bộ khoản nợ của thẻ tín dụng chưa thanh toán. Tính đến ngày 19 tháng 01 năm 2024 anh T còn nợ Ngân hàng C số tiền là 67.866.063 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 39.399.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 3.760.843 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 24.706.220 đồng. Trong đó số tiền nợ của thẻ tín dụng Visa Platinum là 64.253.193 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 37.699.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 2.841.006 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 23.713.187 đồng; số tiền nợ của thẻ tín dụng JCB Gold là 3.612.870 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 1.700.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 919.837 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 993.033 đồng. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát

hành và sử dụng thẻ dành cho khách hàng cá nhân và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng C và quy định về biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu phát hành.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2023 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12 tháng 12 năm 2023 bị đơn là anh T trình bày:

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 anh T ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dành cho khách hàng cá nhân kèm theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, khoản vay không có tài sản bảo đảm, thời hạn sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2022 đến ngày 19 tháng 3 năm 2025, lãi suất và phí theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C. Sau khi ký giấy đề nghị phát hành thẻ Ngân hàng C cấp 02 thẻ tín dụng quốc tế gồm 01 thẻ JCB vàng và 01 thẻ Visa Platinum cho anh T. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh T rút tiền mặt và sử dụng dịch vụ mua bán hàng hóa, Ngân hàng C sẽ thông báo số tiền phải trả qua số điện thoại mà anh T đã đăng ký khi ký hợp đồng nhưng do chơi bời nên anh T không có khả năng trả nợ hàng tháng theo thỏa thuận cho Ngân hàng C nên Ngân hàng C đã chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng đối với toàn bộ khoản tiền chưa thanh toán của thẻ tín dụng. Nay Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho Ngân hàng C số tiền còn nợ bao gồm số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi trong hạn và số tiền nợ lãi quá hạn, quan điểm của anh T đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng C nhưng do anh T đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là Ngân hang Thương mại Cổ phần Á Châu và bị đơn là anh T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 118, 119, 280, 463, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng C, buộc anh T phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ tính đến ngày xét

xử bao gồm số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định pháp luật. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng C và anh T là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và bị đơn là anh T có nơi cư trú tại thôn 9, xã X, huyện N, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả số tiền nợ tính đến ngày 19 tháng 01 năm 2024 là 67.866.063 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 39.399.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 3.760.843 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 24.706.220 đồng. Bị đơn là anh T thừa nhận có ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ dành cho khách hàng cá nhân kèm theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng C với Ngân hàng C và đồng ý trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng C.

Xét hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ được ký giữa Ngân hàng C và anh T phù hợp quy định tại các điều 117, 118, 119 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận. Thực hiện hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ Ngân hàng C cấp 02 thẻ tín dụng quốc tế cho anh T gồm 01 thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum và 01 thẻ tín dụng quốc tế JCB Gold, hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 40.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20 tháng 7 năm 2022 Ngân hàng C đã chuyển khoản vay của anh T sang nợ quá hạn đồng thời chấm dứt việc sử dụng thẻ của anh T và thu hồi toàn bộ khoản nợ của thẻ tín dụng chưa thanh toán. Vì vậy căn cứ Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

là Ngân hàng C, buộc anh T phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ tính đến hết ngày 19 tháng 01 năm 2024 là 67.866.063 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 39.399.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 3.760.843 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 24.706.220 đồng. Trong đó số tiền nợ của thẻ tín dụng Visa Platinum là 64.253.193 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 37.699.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn 2.841.006 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 23.713.187 đồng; số tiền nợ của thẻ tín dụng JCB Gold là 3.612.870 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 1.700.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn 919.837 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 993.033 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng C được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là anh T phải chịu 3.393.303 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí 1.400.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008803 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng C, buộc anh T phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ tính đến hết ngày 19 tháng 01 năm 2024 là 67.866.063 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 39.399.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 3.760.843 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn là 24.706.220 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Anh T phải chịu 3.393.303 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí 1.400.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008803 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền